

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2022

V/v “Ly hôn; Tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Duy Khải**
Ông Tạ Văn Khách

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Vũ Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Tới** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 182/2021/TLST - HNGĐ ngày 11-11-2021 về việc “Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05-4-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST ngày 28-4-2022 giữa các đương sự.

*** *Nguyên đơn:*** Bà **Lưu Thị H**, sinh năm 1993. Vắng mặt

*** *Bị đơn:*** Ông **Đoàn Trần Trọng N**, sinh năm 1986. Vắng mặt
Cùng địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai, nguyên đơn bà Lưu Thị H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đoàn Trần Trọng N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Bù Gia Mập (nay là huyện Phú Riềng) ngày 06/4/2015.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông N ham chơi, làm được bao nhiêu tiêu hết bấy nhiêu, không quan tâm đến vợ con, không chăm lo cho gia

đình khiến kinh tế ngày càng khó khăn. Ông N nợ nần nhiều nên các chủ nợ hay gọi điện làm phiền bà. Vì con cái còn nhỏ nên bà nhẫn nhịn, bỏ qua và khuyên nhủ ông N nhiều lần nhưng ông N vẫn không thay đổi. Vợ chồng bà đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, vợ chồng không thường xuyên nói chuyện với nhau, không hỏi han hay quan tâm đến nhau nữa. Ông N chỉ thỉnh thoảng hỏi thăm về con còn công việc của ai người đó làm. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng đã lạnh nhạt, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể Hn gắn được nữa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 01 con chung là Đoàn Tuấn K – sinh ngày 05/6/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay, bà là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu K. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, bà đề nghị được nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/12/2021 tại Tòa án, bà H chỉ đề nghị được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đoàn Trần Trọng N khai như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án, do ông N thường xuyên vắng nh nên Tòa án không thể thực hiện được việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông N. Tòa án đã tiến Hnh niêm yết giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác theo quy định pháp luật nhưng ông N không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập. Do đó Tòa án không lấy được lời khai của ông N.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến Hnh đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Lưu Thị H được ly hôn với bị đơn ông Đoàn Trần Trọng N. Giao con chung Đoàn Tuấn K – sinh ngày 05/6/2017 cho bà H nuôi dưỡng. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Lưu Thị H làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Đoàn Trần Trọng N theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do bị

đơn ông Đoàn Trần Trọng N có nơi cư trú tại thôn P, xã T, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Lưu Thị H có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, bị đơn ông Đoàn Trần Trọng N vắng mặt tại phiên tòa 02 lần. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo thủ tục chung.

2. Về nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lưu Thị H và ông Đoàn Trần Trọng N tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bù Gia Mập (nay là huyện Phú Riềng) ngày 06/4/2015. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Theo kết quả xác minh tại địa phương thì từ năm 2020 đến nay, vợ chồng bà H, ông N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông N chơi bời, cá độ đá banh, không chăm lo cho gia đình dẫn đến kinh tế gia đình thường gặp khó khăn. Vợ chồng đã sống ly thân nhau, ông N thường xuyên vắng nh chỉ thỉnh thoảng mới về nh.

Căn cứ vào lời khai của bà H về mâu thuẫn vợ chồng và kết quả xác minh tại địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông N do ông N ham chơi và cá độ bóng đá, thiếu sự quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ lâu. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H với ông N là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2]. *Về con chung*: Có 01 con chung là Đoàn Tuấn K – sinh ngày 05/6/2017.

Theo kết quả xác minh tại địa phương thì từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay, cháu K do bà H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Mặt khác trong quá trình chung sống, ông N thiếu sự quan tâm, chăm sóc vợ con nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu K cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;

khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lưu Thị H được ly hôn với ông Đoàn Trần Trọng N.

2/ Về con chung: Giao con chung là Đoàn Tuấn K – sinh ngày 05/6/2017 cho bà Lưu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Ông Đoàn Trần Trọng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Đình chỉ yêu cầu ông Đoàn Trần Trọng N cấp dưỡng nuôi con chung của bà Lưu Thị H.

Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Bà Lưu Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015544 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Trả lại bà H 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- UBND xã T, huyện PR;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hải

